

Số: 128/QĐ-ĐHQT

Bình Định, ngày 06 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn Chương trình đào tạo
trình độ đại học hệ chính quy ngành Kinh tế Nông nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

Căn cứ Quyết định số 62/2006/QĐ-TTg ngày 17/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quang Trung;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Quang Trung nhiệm kỳ 2019 – 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo & CTSV về việc ban hành chuẩn Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kinh tế Nông nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Kinh tế Nông nghiệp (có Chương trình kèm theo).

Điều 2. Chuẩn Chương trình đào tạo này được áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm học 2022 - 2023 trở về sau.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo & CTSV, Trưởng Khoa Kinh tế & Du lịch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- BGH;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT&CTSV.



PGS.TS. Nguyễn Đình Phư



Chuyên nghiệp – Hội nhập – Thành công

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: **Cử nhân Kinh tế Nông nghiệp**

Tên tiếng Anh: **Agricultura Economics**

Ngành đào tạo: **Kinh tế Nông nghiệp**

Mã ngành: **7620115**

Tên chuyên ngành: **Kinh tế Nông nghiệp**

Loại hình đào tạo: **Đại trà**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Bình Định, tháng 8 năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 122/QĐ-ĐHQT ngày 06 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quang Trung)

Tên chương trình đào tạo: **Cử nhân Kinh tế Nông nghiệp**

Ngành đào tạo: **Kinh tế Nông nghiệp**

Mã ngành: **7620115**

Tên chuyên ngành đào tạo: **Kinh tế Nông nghiệp**

Loại hình đào tạo: **Đại trà**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế Nông nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội; có năng lực chuyên môn về kinh tế nông nghiệp; có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp và có ý thức phục vụ nhân dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Ký hiệu	Mục tiêu cụ thể
1. Kiến thức	
MT1	Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị; quan điểm của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về quốc phòng an ninh.
MT2	Kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cần thiết liên quan đến ngành kinh tế.
MT3	Kiến thức cơ bản về pháp luật kinh tế, các nguyên lý cơ bản về kinh tế, kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và phương pháp nghiên cứu khoa học.
MT4	Kiến thức chuyên sâu về kinh tế học ứng dụng trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; kiến thức cơ bản về trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và chuyển giao kỹ thuật trong nông nghiệp.

MT5	Kiến thức chuyên sâu và hiện đại về kinh tế nông nghiệp để đánh giá và dự báo hoạt động của ngành kinh tế nông nghiệp, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp; quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp, xây dựng và tổ chức các chương trình dự án phát triển nông thôn và dự án phát triển kinh tế - xã hội.
2. Kỹ năng	
MT6	Kỹ năng cơ bản về giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất.
MT7	Kỹ năng trình bày và triển khai ý tưởng khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế.
MT8	Kỹ năng mềm và vận dụng vào thực tiễn học tập, công việc và đời sống.
MT9	Kỹ năng cơ bản về tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, kỹ năng vận dụng tin học vào giải quyết các yêu cầu công việc chuyên môn.
MT10	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, xác định vấn đề ưu tiên trong lĩnh vực quản lý kinh tế trong nông nghiệp.
MT11	Có kỹ năng thu thập, phân tích thông tin trong lĩnh vực kinh tế, từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị trong lĩnh vực quản lý kinh tế nông nghiệp.
MT12	Có khả năng trợ giúp việc ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực kinh tế và lập chính sách phục vụ cho hoạt động quản lý kinh tế của đơn vị tổ chức hoặc địa phương.
MT13	Có khả năng phân tích những biến động của nền kinh tế nông nghiệp trong nước và thế giới để điều khiển các hoạt động kinh doanh của đơn vị có hiệu quả.
MT14	Biết sử dụng công nghệ thông tin để thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin.
MT15	Có tư duy và làm việc độc lập.
MT16	Kỹ năng làm việc theo nhóm: hình thành và lãnh đạo nhóm; tạo động lực làm việc và phát triển nhóm; có khả năng làm việc với các nhóm khác nhau.
MT17	Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp tốt.
MT18	Có kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.
3. Thái độ	
MT19	Có ý thức trách nhiệm của một người công dân; có thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức tổ chức kỷ luật cao, tác phong làm việc nghiêm túc.
MT20	Có khả năng tập hợp quần chúng, phát huy trí tuệ tập thể.
MT21	Có phương pháp làm việc khoa học; biết phân tích và giải quyết vấn đề phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đơn vị; biết đúc kết kinh nghiệm để hình thành tư duy sáng tạo.

MT22	Phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật kinh tế, các quy định tại nơi công tác; có ý thức trách nhiệm công dân; có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có ý thức cầu tiến, vượt khó; và trách nhiệm cao trong công tác và phục vụ cộng đồng.
4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	
MT23	Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các đơn vị kinh doanh (công ty xuất nhập khẩu hàng nông sản, công ty sản xuất, cung ứng vật tư nông nghiệp, các trang trại, nông trại, các HTX NN).
MT24	Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng làm việc trong các đơn vị quản lý Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp (Ban Nông nghiệp huyện; Sở Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp...).
MT25	Các vị trí cụ thể mà họ có thể đảm nhận là trưởng các bộ phận trong đơn vị (trưởng phó phòng Kế hoạch, Tổ chức, Marketing; đội trưởng đội sản xuất; Trợ lý Giám đốc ... hoặc có thể trở thành giảng viên, các nghiên cứu viên trong các cơ sở đào tạo nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp.
5. Trình độ ngoại ngữ, tin học	
MT26	Trình độ tiếng Anh đạt mức tối thiểu Ielt's 4.5 hoặc tương đương.
MT27	Trình độ tin học: Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CDRC)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
1. Kiến thức	
CDRC1	Áp dụng được các kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế, trong đó có các học phần cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành kinh tế nông nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.
CDRC2	Đánh giá, phân tích và tổng hợp các chính sách liên quan đến lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; phân tích các nhân tố thuộc môi trường khách quan và chủ quan có tác động đến lĩnh vực kinh tế nông nghiệp; vận dụng các phương pháp, công cụ kinh tế để đưa ra các giải pháp thực tiễn đối với từng tình huống cụ thể trong kinh doanh lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp.
CDRC3	Áp dụng các kiến thức được học để quản lý các hoạt động và quản lý các dự án kinh doanh cụ thể.
2. Kỹ năng	
CDRC4	Có khả năng phân tích, đánh giá và tìm kiếm thông tin có liên quan đến ngành và lĩnh vực kinh doanh nông nghiệp.
CDRC5	Có năng lực vận dụng kiến thức đã học, kỹ năng đã được rèn luyện về ngành kinh tế nông nghiệp vào hoạt động thực tiễn của doanh nghiệp và từng tình huống cụ thể của doanh nghiệp.

10
 RƯỢ
 ẠI H
 ANG T
 ★

CĐRC6	Có khả năng hoàn thiện và phát triển bản thân trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp.
3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CĐRC7	Tự tin không chỉ trong công việc liên quan đến các nội dung công việc của lĩnh vực kinh tế nông nghiệp mà còn có thể tự tìm hiểu, nghiên cứu và phối hợp tham gia các hoạt động liên quan đến các lĩnh vực kinh tế khác. Có khả năng đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa và có khát vọng vươn lên để trở thành nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp.
CĐRC8	Tương tác hiệu quả hơn với bản thân và người khác (có trách nhiệm với bản thân và xã hội), thân thiện với môi trường.
CĐRC9	Phát triển năng lực học tập độc lập và nâng cao kiến thức liên quan đến lĩnh vực làm việc và vị trí, chuyên môn của công việc.
CĐRC10	Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Trung thực, cẩn thận, tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự giác phát triển sản phẩm sáng tạo, ...

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **132** tín chỉ, chưa bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - An ninh.

TT	Khối lượng kiến thức	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ		Tỷ lệ (%)
			Bắt buộc	Tự chọn	
I	Tổng khối lượng kiến thức	131	122	09	
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	43	43		32,58%
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	88	79	09	67,42%
2.1.	<i>Khối kiến thức cơ sở ngành</i>	19	19		14,39%
2.2.	<i>Kiến thức ngành</i>	23	23		17,42%
2.3.	<i>Khối kiến thức chuyên ngành</i>	28	28		21,97%
2.4.	<i>Khối kiến thức bổ trợ và kỹ năng mềm</i>	09		09	6,82%
2.5.	<i>Thực tập, khóa luận/Học phần thay thế</i>	09	09		6,82%
II	Khối kiến thức Giáo dục thể chất	03	03		
III	Khối kiến thức Giáo dục quốc phòng – An ninh	09	09		
Tổng cộng		143	134	09	

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc Ban hành Quy chế đào trình độ đại học; Theo Quyết định số 95/QĐ-ĐHQT ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc Ban hành Quy định về công tác học vụ tại Trường Đại học Quang Trung.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-ĐHQT ngày 24/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quang Trung ban hành Quy định về Công tác học vụ tại Trường Đại học Quang Trung; sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (thang điểm 4) hoặc 5,00 trở lên (thang điểm 10);
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định của ngành.

6. Cách thức đánh giá

Theo Quyết định số 95/QĐ-ĐHQT ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc Ban hành Quy định về công tác học vụ tại Trường Đại học Quang Trung.

7. Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần(tóm tắt)(1)	Tổng tín chỉ	Khối lượng kiến thức		Tự chọn	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành		
1. Khối kiến thức giáo dục đại cương				43	34	9	0	
1.1. Lý luận chính trị				11	11	0	0	
1	DC10101	Triết học Mác – Lê nin	Sinh viên được trang bị một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học kinh tế, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.	3	3			

2	DC10102	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Sinh viên được cung cấp kiến thức một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.	2	2			
3	DC10103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên được cung cấp những nội dung liên quan đến học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và điều kiện cụ thể của Việt Nam, được thể hiện trong đường lối, quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Pháp luật của Nhà nước. Từ đó, củng cố lòng tin vào con đường đi lên CNXH ở nước ta, nâng cao lòng tự hào dân tộc về Đảng, về Bác và có ý thức trách nhiệm công hiến, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên cương vị được phân công.	2	2			
4	DC10104	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Sinh viên được cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	2	2			
5	DC10105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên hiểu rõ Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, Đảng lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động; một đảng phấn đấu vì độc lập, tự do, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.	2	2			

1.2. Ngoại ngữ				16	10	6	0	
6	DC10201	Tiếng Anh cơ bản 1	Sinh viên hiểu các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp) và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Sinh viên có thể thực hành miêu tả một cách đơn giản về bản thân, các hoạt động và những vấn đề liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình.	3	2	1		
7	DC10202	Tiếng Anh cơ bản 2	Sinh viên hiểu được kiến thức ngữ pháp cơ bản, nắm vững và sử dụng thành thạo lượng từ vựng liên quan đến các chủ đề. Sinh viên áp dụng thành thạo các mẫu câu hỏi đáp, đưa ra đề nghị, tường thuật, ...	3	2	1		
8	DC10203	Tiếng Anh giao tiếp cơ bản 1	Sinh viên hiểu được những kiến thức giao tiếp cơ bản và các kiến thức về văn hóa, xã hội của các nước nói tiếng Anh. Sinh viên có khả năng vận dụng và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ.	3	2	1		
9	DC10204	Tiếng Anh giao tiếp cơ bản 2	Sinh viên phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức ngôn ngữ. Sinh viên lắng nghe và phân tích các tình huống giao tiếp, có khả năng sử dụng từ ngữ linh hoạt để tạo ra các tình huống giao tiếp tương tự và trong đời sống.	3	2	1		
10	DC10205	Tiếng Anh giao tiếp với người bản ngữ 1	Sinh viên có khả năng phản xạ nghe – nói, tự tin khi giao tiếp. Sinh viên phát âm chuẩn và nắm được phong cách ứng xử, văn hóa của người nước ngoài khi giao tiếp.	2	1	1		
11	DC10206	Tiếng Anh giao tiếp với người bản ngữ 2	Sinh viên có khả năng giao tiếp với người bản ngữ về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống. Sinh viên thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ như: chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi,...	2	1	1		

1.3. Tin học				5	3	2	0	
12	DC10301	Tin học đại cương	Sinh viên được rèn luyện kỹ năng soạn thảo các văn bản, báo cáo, biểu mẫu, sáng tạo khi làm việc với bảng tính excel, ứng dụng tính toán các hàm trong excel và kỹ thuật trình chiếu PowerPoint, ...	3	2	1		
13	DC10302	Tin học ứng dụng	Sinh viên nhận được kiến thức cơ bản về phương pháp nhập số liệu, xử lý, mô tả số liệu và tính toán các số liệu trên máy tính, sử dụng và khai thác thành thạo các hàm phân tích kinh tế, các lệnh ứng dụng và giải mô hình toán trên máy tính. Trang bị cho sinh viên một số phương pháp phân tích, trình bày và lưu trữ các tài liệu trên máy tính.	2	1	1		
1.4. Khối kiến thức khoa học tự nhiên				9	8	1	0	
14	DC10401	Toán kinh tế	Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về toán học vận dụng trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Môn học toán kinh tế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức để họ có thể vận dụng vào việc ra các quyết định sản xuất.	3	3			
15	DC10402	Xác suất và thống kê ứng dụng	Sinh viên được cung cấp những khái niệm xác suất và các công thức tính. Áp dụng được các bài toán thống kê cơ bản trong nghiên cứu khoa học, trong đời sống sản xuất.	3	3			
16	DC10403	Kinh tế lượng	Sinh viên được cung cấp những kiến thức về học phần Kinh tế lượng; nghiên cứu mối quan hệ thống kê của một chỉ tiêu kinh tế với một hoặc nhiều chỉ tiêu kinh tế khác bằng các mô hình hồi quy tuyến tính và phi tuyến tính.	3	2	1		

1.5. Kiến thức khoa học xã hội nhân văn				2	2			
17	DC10501	Pháp luật đại cương	Sinh viên được nâng cao sự hiểu biết về vai trò và sự quan trọng của Nhà nước và pháp luật trong đời sống, để luôn có thái độ tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nhà nước, có ý thức đầy đủ về bốn phạm và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, biết áp dụng pháp luật trong cuộc sống làm việc của mình, vừa cần những lý luận cơ bản về pháp luật, vừa cần những kiến thức pháp luật chuyên ngành.	2	2			
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				88	81	7	9	
2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành				19	19	0		
18	KH04101	Kinh tế vi mô	Sinh viên được cung cấp những nguyên lý cơ bản của kinh tế vi mô như: nhu cầu, cung cấp, độc quyền, cạnh tranh và tối ưu hóa.	3	3			
19	KH04102	Kinh tế vĩ mô	Sinh viên được giới thiệu những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô, các mô hình kinh tế vĩ mô cơ bản, các nguyên lý cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cũng như những nguyên lý ban đầu về các chính sách kinh tế vĩ mô.	3	3			
20	KD04103	Quản trị học	Sinh viên được giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị. Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra, điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị và các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới.	2	2			

21	KD04104	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Sinh viên được cung cấp những kiến thức nền tảng về phương pháp nghiên cứu trong kinh tế học. Thông qua môn học, sinh viên sẽ nắm được các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, biết được mục đích của nghiên cứu là gì cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu. Sinh viên sẽ nắm được các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập và xử lý dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu. Bên cạnh giờ giảng lý thuyết, sinh viên sẽ thực hiện đề án nghiên cứu để làm quen với việc tiến hành một nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế.	2	2			
22	KD04105	Marketing căn bản	Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về marketing trong nền kinh tế thị trường hiện đại, bản chất, vai trò và tầm quan trọng của marketing đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nắm được các kiến thức về khách hàng, về thị trường giúp sinh viên có thể phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị thị trường, đồng thời hiểu rõ hành vi mua của khách hàng để đáp ứng các giá trị mong đợi.	3	3			
23	KT04106	Nguyên lý kế toán	Sinh viên được cung cấp những khái niệm cơ bản về kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận và hệ thống các phương pháp của hạch toán kế toán. Có thể vận dụng các phương pháp kế toán vào công tác kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp. Cũng như có thể lập một số báo cáo tài chính cơ bản, nắm được hình thức sổ sách kế toán và mô hình tổ chức bộ máy kế toán trong doanh nghiệp.	3	3			
24	TN04107	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản như: chức năng tài chính – tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế; Hoạt động của thị trường tài	2	2			

			chính, các tổ chức tài chính trung gian, hoạt động khu vực tài chính Nhà nước; ngân sách và chính sách tài khóa, hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: vốn, nguồn vốn, quản lý vốn.					
25	KD04108	Đạo đức nghề nghiệp	Sinh viên được trang bị những kiến thức trọng tâm liên quan đến sự ảnh hưởng của các nhân tố tâm lý – xã hội như là nhân cách, các nhóm xã hội đa dạng, thay đổi nhân khẩu, tầng lớp xã hội và văn hóa trong việc hình thành thái độ của nhân viên trong doanh nghiệp. Định hướng và bao quát việc xây dựng văn hóa trong một tổ chức và xây dựng các quy chuẩn trong kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp trong và ngoài nước; Phân tích tình huống trong thực hiện đạo đức trong ngành kinh tế nông nghiệp.	1	1			
2.2. Khối kiến thức ngành				23	23	0	0	
26	KH04201	Luật kinh tế	Sinh viên được trang bị những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.	2	2			
27	KT04202	Kế toán tài chính	Sinh viên được cung cấp những nội dung cơ bản nhất của học phần Kế toán tài chính nhằm hỗ trợ kiến thức cho sinh viên thuộc các ngành kinh tế. Sau khi học xong, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức cơ bản về công tác tổ chức kế toán tại doanh nghiệp; cách tính giá trị tài sản, cách nhận	3	3			



			biết các chứng từ sử dụng, tài khoản sử dụng và phương pháp hạch toán một số phần hành kế toán như: tiền và các khoản nợ phải thu; hàng tồn kho; tài sản cố định; nợ phải trả; nguồn vốn chủ sở hữu; doanh thu, thu nhập khác, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Học phần còn hướng dẫn cho sinh viên cách lập và trình bày báo cáo tài chính ở mức độ giản đơn.					
28	KD04203	Tài chính doanh nghiệp	Sinh viên được cung cấp những nội dung liên quan đến nghiên cứu các quan hệ tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên những lý thuyết cơ bản của tài chính. Trên cơ sở đó để xây dựng và đưa ra các quyết định tài chính nhằm tối đa hóa lợi ích cho các chủ sở hữu.	2	2			
29	KD04204	Phân tích hoạt động kinh doanh	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp phân tích hoạt động kinh doanh các loại hình doanh nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc đánh giá quá trình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đề ra giải pháp thích hợp để khai thác mọi nguồn lực trong hoạt động kinh doanh, qua đó nhận thức được bản chất của hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.	2	2			
30	KD04205	Quản trị nguồn nhân lực	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về chức năng quản trị nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp, tổ chức như: thu hút, đào tạo, đánh giá hiệu suất công việc, trả lương cho người lao động và cách để duy trì nguồn nhân lực. Phân tích được những thách thức và những vấn đề cần giải quyết trong tổ chức; phân tích được những nhân tố ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể đối với từng tình huống quản trị nguồn nhân lực cụ thể.	2	2			

31	KD04206	Kinh doanh quốc tế	Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về kinh doanh quốc tế như: tổng quan về kinh doanh quốc tế, ảnh hưởng của môi trường văn hóa, thể chế chính trị và pháp luật hay liên kết kinh tế khu vực tới kinh doanh quốc tế. Giúp sinh viên hiểu rõ sự vận động của kinh doanh quốc tế trong thời kỳ hiện đại.	2	2			
32	NN04207	Trồng trọt đại cương	Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về nghề nông và tiến trình sinh lý cơ bản ảnh hưởng đến sản xuất cây trồng như khí hậu, thời tiết, thổ nhưỡng và các yếu tố tác động khác bao gồm những tác động khách quan và chủ quan.	2	2			
33	NN04208	Chăn nuôi đại cương	Sinh viên được giới thiệu tổng quát về ngành chăn nuôi, phản ánh một phần những gì mà khoa học vật nuôi đã và đang thực hiện. Nội dung chính của học phần đề cập đến một số vấn đề cơ bản nhất của ngành chăn nuôi, và những tác động kinh tế và xã hội ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi. Chương trình học đề cập đến những vấn đề chung như: vị trí, tình hình và xu hướng phát triển ngành chăn nuôi ở Việt Nam và thế giới, những tác động qua lại giữa ngành chăn nuôi và xã hội con người, một số ứng dụng công nghệ vào chăn nuôi.	2	2			
34	NN04209	Kinh tế hộ và trang trại	Sinh viên được giới thiệu tổng quát về hộ nông dân, vấn đề kinh tế và chính trị của hộ nông dân. Các học thuyết tối ưu hóa về lợi nhuận, rủi ro của kinh tế hộ và trang trại. Các phương pháp phát triển kinh tế hộ về quy mô ngành. Và một số ứng dụng công nghệ vào kinh tế hộ và trang trại.	2	2			
35	NN04210	Khuyến nông	Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về khuyến nông; cơ sở khoa học của những phương pháp khuyến nông và sinh viên được hướng dẫn thực hành trên cơ sở các phương pháp khuyến nông cơ bản.	2	2			

36	NN04211	Quản lý đất đai	Sinh viên được cung cấp những kiến thức về cả lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết trao đổi về tài nguyên đất, phương pháp quy hoạch sử dụng đất đai, các mâu thuẫn trong sử dụng đất đai, các quan điểm trong sử dụng đất đai hợp lý và bền vững, các công cụ phục vụ cho quy hoạch và sử dụng bền vững đất đai. Phần thực hành từng nhóm học viên sẽ lập quy hoạch cụ thể trong việc phân chia sử dụng đất đai trên cơ sở điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và tác động môi trường. Đồng thời thực hành kỹ năng đo đạc đất đai và đọc bản đồ địa chính.	2	2			
2.3. Khối kiến thức chuyên ngành				28	24	4	0	
37	AV04301	Tiếng Anh ngành Kinh tế nông nghiệp 1	Sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Anh dùng trong ngành KTNN, tập trung vào các thuật ngữ chuyên môn cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh được sử dụng trong giao tiếp, kinh doanh và thư điện tử. Ngoài ra, học phần còn tập trung cho người học luyện tập và thực hành các kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong bối cảnh kinh doanh quốc tế trong ngành KTNN.	2	1	1		
38	AV04302	Tiếng Anh giao tiếp ngành Kinh tế nông nghiệp 1	Sinh viên được cung cấp những nội dung cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Anh dùng trong ngành KTNN, tập trung vào các thuật ngữ chuyên môn cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh được sử dụng trong giao tiếp, kinh doanh.	2	1	1		
39	AV04303	Tiếng Anh ngành Kinh tế nông nghiệp 2	Sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Anh dùng trong ngành KTNN. Học phần tập trung vào các thuật ngữ chuyên môn cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong giao tiếp trực tiếp và gián tiếp trong ngành KTNN.	2	1	1		

40	AV04304	Tiếng Anh giao tiếp ngành Kinh tế nông nghiệp 2	Sinh viên hiểu và biết được một số từ vựng liên quan đến các chủ đề trong học phần, hiểu và giải thích được các mẫu câu được sử dụng trong các tình huống giao tiếp nói ở trình độ trung cấp. Bên cạnh đó, sinh viên còn được rèn luyện những kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp và kỹ năng giải quyết vấn đề, và thực hành các mẫu câu nói qua các bài tập trên lớp liên quan đến công việc trong tương lai.	2	1	1		
41	NN04305	Kinh tế nông nghiệp	Sinh viên được trang bị những kiến thức về kinh tế áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, bao gồm: sản xuất, marketing và thương mại. Các nguyên tắc khi ra quyết định trong kinh doanh nông nghiệp. Lý thuyết cung – cầu và sự hình thành giá cả trong kinh doanh nông nghiệp. Kinh nghiệm phát triển nông nghiệp trên thế giới và những giải pháp để phát triển nông nghiệp bền vững.	3	3			
42	NN04306	Marketing nông nghiệp	Sinh viên được giới thiệu những hiểu biết về tổng quan về Marketing và Marketing nông nghiệp. Những nguyên tắc kinh doanh và thị trường kinh doanh nông nghiệp, bao gồm thị trường nông sản hàng hóa và định hướng hoạt động Marketing kinh doanh nông nghiệp; sinh viên được giới thiệu về những công vụ liên quan và áp dụng vào kinh doanh nông nghiệp như: sản phẩm, giá, phân phối, truyền thông và sự phối hợp giữa các công cụ này, cuối cùng là những nội dung liên quan đến tổ chức bộ máy hoạt động Marketing và đánh giá hoạt động Marketing trong doanh nghiệp.	2	2			
43	NN04307	Phát triển nông thôn	Sinh viên được cung cấp những kiến thức liên quan đến phát triển nông thôn, đặc trưng của vùng nông thôn và sự cần thiết phải phát triển nông thôn; những vấn đề vĩ mô về phát triển nông thôn; quy hoạch phát triển nông thôn bền vững và những vấn đề liên quan đến bảo vệ môi trường.	2	2			

INC
IQC
RUI

44	NN04308	Quản trị kinh doanh nông nghiệp	Sinh viên được cung cấp những kiến thức chung về tổng quan của học phần quản trị kinh doanh trong nông nghiệp như chức năng, nhiệm vụ và các công tác quản trị trong một đơn vị kinh doanh nông nghiệp. Biết cách sử dụng đất và các tư liệu sản xuất, lao động, tài chính, hoạch toán kinh doanh trong các cơ sở kinh doanh nông nghiệp một cách có hiệu quả.	3	3			
45	NN04309	Quản lý dự án đầu tư trong nông nghiệp	Sinh viên được cung cấp những kiến thức liên quan đến hoạt động quản lý một dự án đầu tư, bao gồm: cách thiết lập dự án đầu tư; lựa chọn dự án đầu tư; quản lý thời gian thực hiện dự án; quản lý chi phí thực hiện dự án; quản lý việc bố trí và điều hòa nguồn nhân lực thực hiện dự án; và biết cách vận dụng phần mềm ứng dụng Microsoft Project trong hoạch định và thiết kế một dự án.	3	3			
46	NN04310	Kinh tế lâm nghiệp	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, nắm rõ được các vấn đề về vai trò, đặc điểm và tình hình sản xuất lâm nghiệp hiện nay, nắm được các vấn đề kinh tế liên quan đến nguồn lực tài nguyên rừng, cách ứng xử trên thị trường sản phẩm lâm nghiệp, đánh giá được lợi ích đầy đủ của sản xuất lâm nghiệp và lựa chọn các phương án sản xuất tối ưu, đồng thời hiểu được sự cần thiết có sự quản lý nhà nước về kinh tế trong lâm nghiệp cũng như các công cụ kinh tế để thực hiện việc quản lý nhà nước hiệu quả.	3	3			
47	NN04311	Lập kế hoạch kinh doanh nông nghiệp	Sinh viên được giới thiệu và trang bị những kiến thức liên quan đến kế hoạch kinh doanh, được giới thiệu và hướng dẫn các bước để lập một bản kế hoạch kinh doanh trong đơn vị kinh doanh nông nghiệp; kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, kế hoạch lao động, kế hoạch tài chính cho các cơ sở sản xuất KDNN, và tổ chức công tác thực hiện và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch.	2	2			

48	NN04312	Quản trị rủi ro trong nông nghiệp	Sinh viên được cung cấp những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro; Phân tích sâu các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng, phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro; Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro nhân lực, quản trị rủi ro tài sản của doanh nghiệp nông nghiệp.	2	2			
2.4. Khối kiến thức bổ trợ/ kỹ năng mềm (chọn 9 trong 14 tín chỉ)				9	6	3	9	
2.4.1. Kiến thức bổ trợ: Lựa chọn 6 trong 9 tín chỉ (6/9)				6	6	0	6	
49	KD04401	Thiết kế điều tra và xử lý số liệu	Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về các giai đoạn và các bước tiến hành thiết kế bảng hỏi; các cách chọn mẫu; các phương pháp nghiên cứu và các phương pháp thu thập thông tin; các kỹ năng thu thập, xử lý và phân tích thông tin định lượng và định tính; cách viết báo cáo khoa học. Bên cạnh đó, sinh viên còn được hướng dẫn chọn đề tài nghiên cứu, thiết kế chương trình nghiên cứu, thực hành thu thập, xử lý và phân tích thông tin, viết báo cáo khoa học.	3	3			
50	NN04402	Kinh tế tài nguyên môi trường	Sinh viên được cung cấp những kiến thức liên quan đến môi trường, tài nguyên và tác động của các yếu tố từ tài nguyên và môi trường đến kinh tế; ngoài ra người học còn được cung cấp những nội dung liên quan đến các vấn đề về quản lý môi trường và so sánh giữa chi phí và lợi ích của doanh nghiệp.	3	3			Chọn 6 trong 9 tín chỉ
51	KD04403	Thống kê trong nông nghiệp	Chương 1. Những vấn đề cơ bản của Thống kê Doanh nghiệp Nông nghiệp. Chương 2. Thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp. Chương 3. Thống kê lao động trong doanh nghiệp nông nghiệp. Chương 4. Thống kê tài sản cố định trong doanh nghiệp nông nghiệp. Chương 5. Thống kê tài sản lưu động trong doanh nghiệp nông nghiệp. Chương 6. Thống	3	3			

			kê giá thành và giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp nông nghiệp. Chương 7. Thống kê hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nông nghiệp.					
2.4.2. Kỹ năng mềm: Lựa chọn 3 trong 5 tín chỉ (3/5)				3	0	3	3	
52	KD04401	Kỹ năng giao tiếp	Sinh viên hiểu và thực hành các kỹ năng giao tiếp; hiểu rõ quá trình giao tiếp, gửi thông điệp rõ ràng, chủ động tìm hiểu thông điệp, sử dụng chu trình phản hồi; nhận diện "màng lọc" nhận thức; nhận diện sự tồn tại của yếu tố gây nhiễu trong giao tiếp, xác nhận thông điệp.	1		1		
53	KD04402	Kỹ năng thuyết trình	Sinh viên có thể hiểu và thực hành các kỹ năng nhận biết thể nào là một bài thuyết trình hiệu quả; Xây dựng được cấu trúc trúc của bài thuyết trình và thuyết trình hiệu quả; Chuẩn bị được các công cụ cho bài thuyết trình; Sử dụng và kiểm soát được ngôn ngữ cơ thể; Kỹ năng xử lý được tình huống thính giả.	1		1		1
54	KD04403	Kỹ năng làm việc nhóm	Sinh viên hiểu và thực hành kiến thức và kỹ năng tạo lập, duy trì, và phát triển một nhóm làm việc có hiệu quả thông qua các lý thuyết về: các giai đoạn của nhóm; vai trò và ảnh hưởng của từng cá nhân đến việc lãnh đạo nhóm. Nhận thức mâu thuẫn và kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong nhóm. Kỹ năng lãnh đạo và quản trị nhóm và các yếu tố tâm lý – xã hội giúp cho một nhóm vận hành có hiệu quả nhất.	1		1		1
55	KD04403	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc	Sinh viên hiểu tầm quan trọng của Kỹ năng phỏng vấn và xin việc là một kỹ năng có sự kết hợp và vận dụng các kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp vào quá trình tìm kiếm, đạt được công việc phù hợp. Sinh viên hiểu khái quát tiến trình tìm kiếm một công việc mong đợi, phù hợp với năng lực và tính cách của bản thân. Từ đó, sinh viên xây dựng được kế hoạch, làm chủ thời gian,	1		1		

			nắm bắt các cơ hội việc làm. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chuẩn bị và cách thức gửi hồ sơ tìm việc nhằm tạo ấn tượng với nhà tuyển dụng, đặc biệt, trang bị những kỹ năng cần thiết để sinh viên tự tin tham gia buổi phỏng vấn: kỹ năng chuẩn bị trước khi tham gia phỏng vấn, kỹ năng trả lời phỏng vấn hiệu quả, kỹ năng đặt câu hỏi.					
56	KD04404	Kỹ năng quản lý thời gian	Sinh viên hiểu và được hành những kiến thức cơ bản, kinh nghiệm và kỹ năng về quản lý thời gian. Đây là nền tảng căn bản cho các môn học có liên quan đến quản lý trong chuyên ngành nhằm giúp sinh viên nắm bắt và vận dụng trong công việc và cuộc sống sau khi ra trường. Nội dung của học phần sẽ đề cập đến những vấn đề cơ bản của quản lý: lập kế hoạch, thời gian, tài chính, giải quyết vấn đề và ra quyết định. Thông qua việc thực hành các tình huống, nhiều bài tập nhập vai và phân tích sẽ được đưa ra để sinh viên sẽ tham gia vào các tình huống cụ thể.	1		1		1
57	KD04405	Kỹ năng lập kế hoạch	Sinh viên hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học xây dựng cho mình kế hoạch học tập, làm việc hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.	1		1		
2.5. Thực tập, khóa luận/ Học phần thay thế				9	6	3		
58	NN04501	Thực tập cuối khóa	Sau khi kết thúc các môn học chính khóa, sinh viên được thực tập tại các Ngân hàng và làm báo cáo thực tập theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn và cơ sở thực tập.	3		3		

Khóa luận hoặc học phần thay thế				6	6			
59	NN04502	Khóa luận tốt nghiệp hoặc 2 chuyên đề thay thế	Kết thúc đợt thực tập cuối khóa nếu Sinh viên làm bài thực tập đạt yêu cầu và có điểm trung bình học tập từ 7 phẩy trở lên thì được làm khóa luận. Nếu SV không đủ 2 điều kiện trên thì học 2 học phần chuyên đề.	6	6			
60	NN40503	Phân tích chính sách nông nghiệp	Sinh viên được cung cấp những kiến thức liên quan đến chính sách nông nghiệp, các công cụ thường được sử dụng trong phân tích các chính sách nông nghiệp. Đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến chính sách nông nghiệp.	3	3			
61	NN40504	Quản trị chuỗi cung ứng nông sản	Sinh viên sau khi học xong chuyên đề này có thể giúp sinh viên có cái nhìn mới, hiểu quản lý chuỗi cung ứng như một nghề chuyên môn và có vai trò rất quan trọng để nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay. Học phần giới thiệu các khái niệm, định nghĩa, quan điểm, giá trị, mục đích, phương pháp, và các kỹ thuật xây dựng hệ thống quản lý chuỗi cung ứng để người học có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào chuyên sâu.	3	3			
3. Giáo dục thể chất (bắt buộc)				3		3		
62	GT10701	Giáo dục thể chất 1*	Hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao cho sinh viên; biết cách tổ chức các hoạt động giao lưu thể dục thể thao trong và ngoài nhà trường; nhận thức về chấn thương trong tập luyện TDTT.	1	0	1		
63	GT10702	Giáo dục thể chất 2*	Sinh viên hiểu biết những kiến thức cơ bản về kỹ thuật các môn cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá; vận dụng tập luyện các môn thể thao trên.	1	0	1		
64	GT10703	Giáo dục thể chất 3*	Sinh viên hiểu biết sâu hơn về các môn thể thao như: Cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá; biết cách tự rèn luyện nâng cao sức khỏe bản thân.	1	0	1		
4. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (bắt buộc)				9	6	3		
64	GP10601	Giáo dục quốc phòng 1*	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	3	3	0		

65	GP10602	Giáo dục quốc phòng 2*	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.	2	2	0		
66	GP10603	Giáo dục quốc phòng 3*	Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết trước các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới. Nắm được các thao tác các kỹ năng quân sự cần thiết, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh.	2	1	1		
67	GP10604	Giáo dục quốc phòng 4*	Thuần thục thao tác các kỹ năng quân sự cần thiết, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo trong sử dụng súng tiểu liên AK (CKC).	2	0	2		

(1) Năng lực đạt được theo thang đo Bloom, sử dụng các động từ theo thang đo để mô tả.

8. Hướng dẫn thực hiện

Chương trình được thiết kế dựa trên các quy định về đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được áp dụng cho sinh viên ngành Kinh tế nông nghiệp kể từ kỳ tuyển sinh năm học 2022-2023.

Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa sẽ tư vấn cho sinh viên chọn những học phần thích hợp.

Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật mỗi 02 năm, đáp ứng sự phát triển của ngành Kinh tế nông nghiệp và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội. /s/



PGS.TS. Nguyễn Đình Phư

